

**CÔNG TY TNHH TMDV ĐÀO TẠO HÙNG CƯỜNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TMDV ĐÀO TẠO HÙNG CƯỜNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HUNG CUONG EDUCATION TRADING SERVICES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3502498560

**3. Ngày thành lập:** 25/04/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 82 đường 30/4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại: 0906787848

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                           | 4322     |
| 2.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Môi giới thương mại.                                                                                                                                                                                           | 4610     |
| 3.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>Chi tiết: Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa)                                                                                                                                                  | 4620     |
| 4.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt, thủy sản, rau, quả, cà phê, chè, đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; bán buôn trái cây các loại, trái cây khô đã qua chế biến đóng hộp; bán buôn thực phẩm khác | 4632     |
| 5.  | Bán buôn đồ uống<br>Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn (rượu, bia); Bán buôn đồ uống không có cồn                                                                                                                                                                                                | 4633     |
| 6.  | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo<br>Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm                                                                                                                                                                                                  | 4634     |
| 7.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép<br>Chi tiết: Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác                                                                                                                                                                      | 4641     |
| 8.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm                                                                                                                                          | 4649     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 9.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4651        |
| 10. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4652        |
| 11. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4653        |
| 12. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc thiết bị ngành ngành dầu khí, hàng hải; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu | 4659        |
| 13. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>Chi tiết: Bán buôn xăng, dầu , LPG, CNG, LNG...                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4661        |
| 14. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, véc ni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh                                                                                                                                                                                                             | 4663        |
| 15. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4669        |
| 16. | Giáo dục nhà trẻ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 8511        |
| 17. | Giáo dục mẫu giáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8512        |
| 18. | Giáo dục tiểu học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8521        |
| 19. | Giáo dục trung học cơ sở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 8522        |
| 20. | Giáo dục trung học phổ thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 8523        |
| 21. | Đào tạo sơ cấp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8531        |
| 22. | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8551        |
| 23. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Dạy ngoại ngữ; Luyện viết chữ đẹp; Dạy kèm (gia sư); Đào tạo kỹ năng sống; Bồi dưỡng văn hóa (Doanh nghiệp chỉ được phép hoạt động khi có giấy phép của Sở Giáo dục và Đào tạo). Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Doanh nghiệp chỉ hoạt động ngành nghề này khi có đủ điều kiện theo quy định pháp luật)                              | 8559(Chính) |
| 24. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết: Tư vấn du học.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 8560        |
| 25. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Môi giới bất động sản                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 6820        |
| 26. | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết: Cho thuê xe ô tô, xe du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7710        |
| 27. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                               | 4784        |
| 28. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: Khách sạn                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5510        |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 29. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống; Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác                                    | 5610 |
| 30. | Điều hành tua du lịch<br>Chi tiết: Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa                                                                                                   | 7912 |
| 31. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                  | 3314 |
| 32. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                                                                  | 3319 |
| 33. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                 | 3320 |
| 34. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                   | 4321 |
| 35. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                             | 4753 |
| 36. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 37. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh     | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: TRỊNH DUY CƯỜNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 17/01/1982 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036082006124

Ngày cấp: 02/07/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 11 Cao Bá Quát, Phường Rạch Dừa, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 7B Phạm Cự Lượng, Phường Rạch Dừa, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: HOÀNG BÁ VĨNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 18/04/1975

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036075012756

Ngày cấp: 17/11/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Xóm Trung Lợi, Xã Nam Vân, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 7B Phạm Cự Lượng, Phường 11, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu